



ẢNH HƯỞNG CỦA THU NHẬP NGOẠI BẢNG ĐẾN KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

MAI THỊ HỒNG

Hoạt động ngoại bảng là một trong những nguồn thu mới đem lại thu nhập hấp dẫn cho các ngân hàng thương mại hiện nay. Dựa trên cơ sở lý thuyết, nghiên cứu xây dựng mô hình SYS GMM tác động của hoạt động ngoại bảng đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại giai đoạn 2012-2020. Kết quả nghiên cứu chỉ ra biến hoạt động ngoại bảng có tác động tích cực tới việc gia tăng khả năng sinh lời các ngân hàng thương mại; tỷ lệ vốn chủ sở hữu, quy mô ngân hàng, lạm phát tác động tích cực đến tỷ suất lợi nhuận trên tài sản, trong khi nợ xấu tăng làm giảm lợi nhuận của các ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các giải pháp đối với tài sản ngoại bảng nhằm nâng cao khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Từ khóa: Hoạt động ngoại bảng, khả năng sinh lời, ngân hàng thương mại

EFFECT OF OFF-BALANCE SHEET INCOME ON PROFITABILITY OF COMMERCIAL BANKS

Mai Thi Hong

Off-balance sheet activities are one of the new sources of income bringing attractive income for commercial banks today. Based on the theoretical basis, the study builds a SYS GMM model on the impact of off-balance sheet activities on the profitability of commercial banks in the period 2012-2020. Research results show that off-balance sheet activity has a positive impact on increasing profitability of commercial banks; equity ratio, bank size, inflation positively affect the return on assets, while increased bad debt reduces the profitability of commercial banks. On that basis, the author proposes solutions for off-balance sheet assets to improve profitability of Vietnamese commercial banks.

Keywords: Off-balance sheet activities, profitability, commercial banks

Ngày nhận bài: 22/8/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 15/9/2022

Ngày duyệt đăng: 22/9/2022

Đặt vấn đề

Hoạt động ngoại bảng (OBS) bao gồm các khoản mục như cam kết cho vay, thư tín dụng và cơ sở bảo lãnh phát hành quay vòng, giúp ngân hàng tăng lợi nhuận, tránh được những chi phí về thuế hay bảo hiểm tiền gửi, dự trữ do Ngân hàng Nhà nước (NHNN) không yêu cầu trích lập dự phòng mà chỉ

quản lý. Tuy nhiên, vẫn cần khẳng định rằng OBS tiềm ẩn khá nhiều rủi ro. Theo Hassan (1991) và Aktan và cộng sự (2013), ngân hàng thương mại (NHTM) đối mặt với các rủi ro liên quan tới OBS là rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất, thậm chí cả rủi ro tỷ giá hối đoái phát sinh từ cam kết giao dịch ngoại hối. Khi rủi ro xảy ra với OBS, thanh khoản của ngân hàng sẽ bị ảnh hưởng và tổn thất bất ngờ. Do vậy, việc đo lường sức khỏe NHTM thông qua các chỉ số tài chính thông thường không phản ánh hết được các rủi ro mà ngân hàng đang gặp phải từ các hoạt động ngoại bảng.

Tổng quan các công trình nghiên cứu

Nghiên cứu nước ngoài

Aktan và cộng sự (2013) nghiên cứu tác động của OBS tới hoạt động các NHTM niêm yết trên sàn chứng khoán Istanbul (ISE). Kết quả ước lượng cho thấy, khi OBS tăng lên, lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) và rủi ro tỷ giá ngoại tệ mà ngân hàng đối mặt cũng tăng theo, nhắc nhở sự cần trọng của NHTM ở Thổ Nhĩ Kỳ khi sử dụng những hoạt động này. Ngoài ra, dù OBS được dùng với mục đích ngăn ngừa rủi ro, nâng cao ROA nhưng lại có tương quan âm với lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, đồng thời không tác động rõ ràng về mặt thống kê tới đòn bẩy tài chính hay tính thanh khoản của ngân hàng. Tác giả kết luận, OBS có khả năng ảnh hưởng nhiều tới lợi nhuận ngân hàng hơn là tới rủi ro mà họ phải đối mặt.

Ahmad và Husam (2014) nghiên cứu vai trò của

BẢNG 1: CHIẾU TÁC ĐỘNG KỶ VỌNG CỦA BIẾN ĐỘC LẬP TỚI BIẾN PHỤ THUỘC

Tên biến	Cách đo lường	Chiều tác động	Nguồn nghiên cứu và kết quả tương quan
Biến phụ thuộc	ROA	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	Alper và Anbar (2011), Ahmad và Husam (2014), Hanan và Saad (2017), Lê Đống Duy Trung (2020), Bùi Đan Thanh (2021)
	OBS	Tài sản ngoại bảng/ Tổng tài sản	Aktan và cộng sự (2013), Ahmad và Husam (2014), Hanan và Saad (2017)
Biến độc lập	ETA	Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	Hanan và Saad (2017), Alper và Anbar (2011), Al-Jafari và Alchami (2014), Bùi Đan Thanh (2021)
	SIZE	Logarit tự nhiên của tổng tài sản	Nguyễn Thị Thu Hiền (2017), Hanan và Saad (2017), Ahmad và Husam (2014), Al-Jafari và Alchami (2014), Lê Đống Duy Trung (2020)
	NPL	Nợ xấu/Tổng dư nợ	Alper và Anbar (2011), Nguyễn Thị Thu Hiền (2017), Linh và cộng sự (2021)
	GDP	Tăng trưởng GDP hằng năm	Lê Đống Duy Trung (2020), Obamuyi (2013), Linh và cộng sự (2021)
	CPI	Tỷ lệ lạm phát hàng năm	Alper và Anbar (2011), Al-Jafari và Alchami (2014), Bùi Đan Thanh (2021), Linh và cộng sự (2021)

Nguồn: Tác giả phân tích và tổng hợp

các hoạt động ngoại bảng tới rủi ro và khả năng sinh lời của hệ thống các ngân hàng ở Trung Đông và Bắc Phi giai đoạn 2005 – 2011. Kết quả nghiên cứu cho thấy, OBS có tác động tới khả năng sinh lời đặc biệt là ở các quốc gia sản xuất dầu mỏ và OBS đem lại nguồn thu tốt cũng như giảm rủi ro. Tỷ lệ chi phí hoạt động, dự phòng rủi ro có tương quan âm tới ROA và lợi nhuận vốn chủ sở hữu (ROE). Biến tỷ lệ vốn chủ sở hữu, quy mô ngân hàng có mối tương quan cùng chiều.

Hanan và Saad (2017) sử dụng số liệu của 13 NHTM ở Jordan niêm yết trên thị trường chứng khoán Amman trong giai đoạn 2009 – 2016 để phân tích tác động của biến hoạt động ngoại bảng tới hoạt động tài chính đo lường bằng chỉ số ROA và ROE. OBS có tác động cùng chiều đáng kể tới cả 2 biến giải thích, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao lợi nhuận cho ngân hàng nhưng cũng mang tới rủi ro về thanh khoản.

Nghiên cứu trong nước

Nguyễn Thị Thu Hiền (2017) nghiên cứu các yếu tố đặc trưng xác định khả năng sinh lời của 22 NHTM trong giai đoạn 2006 – 2015 bằng phương pháp sử dụng mô hình FEM, REM. Tỷ lệ cho vay trên tài sản, dự phòng rủi ro tín dụng, chi phí lãi trên nợ phải trả, thu nhập phi lãi trên tài sản và chi phí hoạt động trên thu nhập có ý nghĩa thống kê tác động đến ROA.

Bùi Tấn Nghị và Phạm Thị Hoàng Anh (2019) với dữ liệu của 15 NHTM tại Việt Nam phân tích định tính hoạt động ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghiên cứu chỉ ra hầu hết các ngân hàng đều thực hiện OBS bao gồm bảo lãnh, L/C, cho vay trong đó các nghiệp vụ liên quan giao dịch hối đoái như ngoại tệ, chứng từ ngoại tệ, cam kết giao dịch hối đoái được yêu thích nhất, bên cạnh đó là các cam kết, cho vay, cho vay không hủy ngang, bảo lãnh và L/C.

Linh và cộng sự (2021) phân tích nhân tố tác động tới khả năng sinh lời của các ngân hàng áp dụng trong trường hợp 20 NHTM ở Việt Nam của giai đoạn 2011 – 2020, các biến rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, cấu trúc nguồn vốn, hiệu quả chi phí hay chỉ số GDP có tác động tích cực tới ROA.

Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu này kế thừa và phát triển nghiên cứu của Aktan và cộng sự (2013), Ahmad và Husam (2014), bằng việc phân dụng phương pháp hồi quy xu hướng tổng quát hệ thống (SYS-GMM) nhằm đánh giá tác động của OBS đến ROA của các NHTM Việt Nam. Mô hình hồi quy có dạng tổng quát như sau:

$$ROA_{it} = \beta_0 + \beta_1 * OBS_{it} + \beta_2 * ETA + \beta_3 * NPL + \beta_4 * SIZE_{it} + \beta_5 * CPI_t + \beta_6 * GDP_t + \varepsilon_{it}$$

Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Thống kê mô tả

Bảng 2 cho thấy, kết quả thống kê mô tả các biến trong mô hình nghiên cứu.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản và trên vốn chủ sở hữu đều tăng dần qua các năm. Kết quả này là nhờ có sự tăng cường vai trò của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) giúp ngân hàng xử lý nợ xấu, giảm áp lực trích lập dự phòng, cải thiện chất lượng tài sản cùng với việc NHNN liên tục ban hành các quy định nhằm đảm bảo khả năng hoạt động của mỗi ngân hàng, tạo một hệ thống ngân hàng Việt Nam lành mạnh, ổn định. Tỷ lệ nợ xấu trong tầm kiểm soát (trung bình 2,29%), an toàn vốn được đảm bảo (tỷ lệ vốn chủ sở hữu trung bình xấp xỉ 8,37%), đây là dấu hiệu khả quan với hệ thống ngân hàng cũng như nền kinh tế Việt Nam. Đặc biệt, bên cạnh những

BẢNG 2: THỐNG KÊ MÔ TẢ CÁC BIẾN CỦA MÔ HÌNH

Biến	Số quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
Biến phụ thuộc					
ROA	252	0.0070	0.0057	-0.0000	0.0286
ETA	252	0.0837	0.0329	0.0262	0.2374
OFFB	252	0.0478	0.0523	0.0007	0.3801
NPL	252	0.0229	0.0120	0.0047	0.0881
Biến độc lập					
SIZE	252	18.7435	1.1267	16.4020	21.1731
GDP	252	0.0593	0.0124	0.0291	0.0708
CPI	252	0.0425	0.0224	0.0088	0.0909

Nguồn: Kết quả phân tích Stata 13 của tác giả

nguồn thu từ lãi truyền thống, ngân hàng cũng dần dần tập trung phát triển các hoạt động ngoại bảng để nâng cao khả năng sinh lời của mình. Hoạt động ngoại bảng tuy chiếm tỷ trọng không lớn (trung bình chiếm 4,78%) trên tài sản nhưng có chiều hướng tăng dần qua thời gian. Đây là dấu hiệu tốt, thể hiện tiềm năng phát triển trong thu ngoài lãi từ hoạt động ngoại bảng bên cạnh những sản phẩm nội bảng của ngân hàng.

Phân tích tương quan

Ma trận hệ số tương quan trong bảng 3 cho thấy, biến ROA có tương quan đáng kể nhất với biến OBS, ETA, NPL và SIZE lần lượt các mức -21,78% và 28,56. Trong ma trận trên không có cặp biến nào có hệ số tương quan lớn hơn 0,8, điều này minh chứng rằng hiện tượng đa cộng tuyến là không nghiêm trọng và khó tồn tại tương quan giữa các biến trong mô hình đang xét tới.

Kết quả hồi quy và thảo luận

Nghiên cứu sử dụng ước lượng GMM hệ thống (sys-GMM) trong bảng 4 để giải quyết hiện tượng nội sinh trong mô hình dữ liệu bảng động trong thời gian ngắn và không cân bằng. Kiểm tra mức độ phù hợp của ước lượng GMM hệ thống bằng AR (2) và Hansen (1982). Kết quả hồi quy cho thấy, biến nội sinh và biến công cụ trong mô hình là phù hợp. Mô hình nghiên cứu có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, phù hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Hoạt động ngoại bảng có mối quan hệ cùng chiều với khả năng sinh lời của ngân hàng là trùng khớp với dự đoán của tác giả, nhấn mạnh tầm quan trọng của nó đối với việc gia tăng lợi nhuận ngân hàng. Mặc dù, mức tương quan này không lớn nhưng cũng có thể cho thấy tiềm năng làm gia tăng thu nhập cho ngân hàng, là kênh phát triển đáng lưu tâm cho hệ thống các ngân hàng tại Việt Nam. Có thể lý giải là bởi hoạt động ngoại bảng là những hoạt động được hình thành mà không

tốn quá nhiều chi phí tạo lập như các dịch vụ tín dụng truyền thống mà vẫn thu được phí hay các khoản hoa hồng với vai trò trung gian môi giới nên so với các ngân hàng khác trên thị trường chỉ tập trung vào các hoạt động nội bảng thông thường, việc tăng doanh thu từ loại hình dịch vụ này sẽ giúp ngân hàng vừa tiết kiệm chi phí bỏ ra mà vẫn nâng cao lợi nhuận đáng kể. Bên cạnh đó, NHNN Việt Nam hiện nay chỉ yêu cầu các NHTM thực hiện phân loại nợ với OBS để phục vụ việc giám sát và khi xảy ra rủi ro mới thực hiện trích lập dự phòng, điều này giúp NHTM tránh những gánh nặng về thuế, chi phí dự trữ đảm bảo an toàn vốn cũng như các loại phí bảo hiểm tiền gửi không áp dụng cho hoạt động ngoại bảng, khiến doanh thu cũng tăng lên.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (ETA), quy mô ngân hàng (SIZE), có mối quan hệ cùng chiều, giống với dự báo của tác giả. Việc nắm giữ tỷ lệ về vốn chủ sở hữu, quy mô lớn cao giúp ngân hàng chịu đựng tổn thất tốt và giảm nguy cơ đối mặt với rủi ro bất ngờ chủ yếu liên quan tới tính thanh khoản linh hoạt.

Việc tỷ lệ nợ xấu (NPL) tác động ngược chiều tới biến ROA đã được dự đoán từ trước. Nguyên nhân chủ chốt dẫn tới mối tương quan âm này xuất phát từ chất lượng khoản vay mà ngân hàng nắm giữ. Tỷ lệ này càng cao chứng tỏ chất lượng cho vay càng kém, rủi ro tín dụng tăng lên và ngân hàng cần tăng chi phí

BẢNG 3: MA TRẬN HỆ SỐ TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC BIẾN

	ROA	ETA	OFFB	NPL	SIZE	GDP	CPI
ROA	1						
ETA	0.2625	1					
OFFB	0.2856	0.03	1				
NPL	-0.2178	0.2763	-0.0809	1			
SIZE	0.2773	-0.5791	0.289	-0.2529	1		
GDP	-0.1021	-0.0941	0.1075	-0.1121	-0.0191	1	
CPI	0.0335	0.3119	-0.134	0.4226	-0.2081	-0.3829	1

Nguồn: Kết quả phân tích Stata 13 của tác giả

BẢNG 4: KẾT QUẢ HỒI QUY TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG NGOẠI BẢNG ĐẾN KHẢ NĂNG SINH LỢI CỦA CÁC NHTM VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2012-2020				
Nhân tố	Pooled	FEM	REM	SYS GMM
ETA	0.111***	0.129***	0.117***	0.106***
	[9.86]	[14.16]	[12.11]	[8.51]
OFFB	0.0105*	-0.00841	-0.00723	0.00646*
	[1.79]	[-1.48]	[-1.22]	[1.67]
NPL	-0.132***	-0.0554***	-0.0840***	-0.161***
	[-5.02]	[-2.69]	[-3.81]	[-3.53]
SIZE	0.00285***	0.00884***	0.00551***	0.00269***
	[8.54]	[13.65]	[10.99]	[5.81]
GDP	-0.0226	0.0400**	0.00723	-0.00734
	[-0.91]	[2.33]	[0.40]	[-0.84]
CPI	0.0159	0.0603***	0.0311***	0.0371***
	[1.04]	[5.16]	[2.61]	[4.23]
Hệ số chặn	-0.0525***	-0.173***	-0.106***	-0.0505***
	[-7.28]	[-13.05]	[-10.19]	[-5.36]
Số quan sát	252	252	252	252
R2	0.417	0.572	0.528	
Hausman	Chi2 = 46.16, p<0.01			
AR (2)				0.224
Hansen	0.170			
Thống kê t trong ngoặc vuông, * p<0.1, ** p<0.05, *** p<0.01				

Nguồn: Kết quả phân tích Stata 13 của tác giả

dự phòng rủi ro tín dụng có thể xảy ra như mất khả năng thu hồi nợ đối với nhóm nợ 5 từ đó giảm lợi nhuận tổng thể. Ngoài ra, khi xuất hiện thêm nợ xấu đồng nghĩa ngân hàng phải tăng phần trích lập dự phòng cho khoản vay đó, gia tăng chi phí đương nhiên khiến lợi nhuận giảm xuống.

Đối với các biến vĩ mô, tỷ lệ lạm phát tác động tích cực đến ROA có ý nghĩa thống kê. Trong bối cảnh kiểm soát tốt lạm phát như hiện nay, việc lạm phát có điều chỉnh tăng thì người dân vẫn sẽ có nhu cầu đi vay nhiều hơn, ngân hàng sẽ điều chỉnh để lãi suất huy động giảm nhanh hơn so với lãi suất ngân hàng cho vay để tăng lợi nhuận thu về.

Hàm ý quản trị

Đối với các ngân hàng thương mại

Phát triển hoạt động ngoại bảng là điều các NHTM hiện nay cần hướng tới, điều này không chỉ giúp các ngân hàng cải thiện nguồn thu nhập mà còn giảm sự phụ thuộc vào các nguồn thu từ lãi. Hoạt động ngoại bảng cần được các NHTM tập trung đẩy mạnh hơn trong tương lai cả về số lượng và chất lượng. Ngân hàng có thể đa dạng, cung cấp các danh mục OBS mới

nhu cam kết cho vay không hủy ngang. OBS tuy có doanh số, xuất hiện trong ngoại bảng cân đối kế toán nhưng vẫn cho thấy sự khác biệt rõ rệt giữa các ngân hàng về quy mô. Điều này nhắc nhở các NHTM cần tiếp tục khai thác, đề ra các phương án như lãi suất thấp, phí ưu đãi khi thực hiện dịch vụ hoạt động ngoại bảng để thu hút khách hàng. Muốn tăng số lượng khách hàng sử dụng OBS, ngân hàng cần tìm cách nâng cao uy tín của mình để tăng tính thuyết phục với công chúng. Tuy nhiên, như đã phân tích, OBS có tiềm ẩn rủi ro khiến ngân hàng gặp khó khăn về thanh khoản, đặc biệt là không có sự tài trợ của tài sản hay nợ nội bảng, mỗi ngân hàng cần chủ động tự trích lập một phần lợi nhuận để dự trữ hợp lý cho rủi ro có thể phát sinh từ các hoạt động này.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước

Cho đến nay NHNN chưa yêu cầu các NHTM thực hiện trích lập dự phòng đối với OBS mà chỉ phân loại cam kết ngoại bảng để quản lý, giám sát. Điều này tiềm ẩn nguy cơ lớn trong tương lai đối với ngân hàng nếu có rủi ro thanh

khoản của một cam kết bất ngờ xảy ra, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận ngân hàng. Vì thế, NHNN yêu cầu các NHTM có khoản dự phòng nhất định đối với hoạt động ngoại bảng, đảm bảo hoạt động ổn định của từng ngân hàng nói riêng và cả hệ thống nói chung.

Tài liệu tham khảo:

- Bùi Tín Nghị & Phạm Thị Hoàng Anh, (2019), "Hoạt động ngoại bảng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam", *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, Số 209, Tháng 10/2019, tr. 20 – 35;
- Lâm Thanh Phi Quỳnh, Nguyễn Đăng Khoa & Nguyễn Thị Lệ Huyền, (2019), "Tác động của đa dạng hóa thu nhập và phân bổ tài sản đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam", *Tạp chí Ngân hàng*, Số 19/2019;
- Ahmad, Y.K., & Husam, A.A., (2014), "Risk and profitability in Middle East and North Africa banking system: An examination of off balance sheet activities", *The International Journal of Business and Finance Research*, Vol. 8, No. 3, pp. 13 – 26;
- Aktan, B., Chan, S., Zikovic, S., & Evrim – Mandaci, P., (2013), "Off-balance sheet activities impact on commercial banks performance: An emerging market perspective", *Economic Research*, Vol. 26, No. 3, pp. 117 – 132.

Thông tin tác giả:

ThS. Mai Thị Hồng

Trường Đại học Ngoại thương

Email: Maihong@ftu.edu.vn